

BẢN ĐĂNG KÝ THÔNG SỐ KỸ THUẬT XE CƠ GIỚI NHẬP KHẨU

Số:...../ĐK XCG

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Đơn vị nhập khẩu (cá nhân, tổ chức):
2. Địa chỉ:
3. Người đại diện:
4. Số điện thoại: - Thư điện tử:
5. Tình trạng phương tiện:
7. Nhãn hiệu : - Tên thương mại:
6. Mã kiểu loại:
7. Nước sản xuất: 11. Năm sản xuất:
8. Tiêu chuẩn khí thải:

II. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN

1. Khối lượng

- 1.1. Khối lượng bản thân: (kG)
- | | |
|----------------------------|----------------------------|
| - Phân bố lên trục 1: (kG) | - Phân bố lên trục 4: (kG) |
| - Phân bố lên trục 2: (kG) | - Phân bố lên trục 5: (kG) |
| - Phân bố lên trục 3: (kG) | |
- 1.2. Khối lượng hàng chuyên chở theo thiết kế: (kG)
- 1.3. Số người cho phép chở, kể cả người lái: (người)
- 1.4. Khối lượng toàn bộ theo thiết kế: (kG)
- | | |
|----------------------------|----------------------------|
| - Phân bố lên trục 1: (kG) | - Phân bố lên trục 4: (kG) |
| - Phân bố lên trục 2: (kG) | - Phân bố lên trục 5: (kG) |
| - Phân bố lên trục 3: (kG) | |
- 1.5. Khối lượng kéo theo cho phép: (kG)

2. Kích thước

- Kích thước bao (dài x rộng x cao): (mm)
- Chiều dài cơ sở: (mm)
- Vết bánh xe trước/sau: (mm)

3. Động cơ

3.1. Động cơ đốt trong

- Kiểu động cơ:
- Loại nhiên liệu:
- Thể tích làm việc: (cm³)
- Công suất lớn nhất/ tốc độ quay: (kW/vòng/phút)
- Mô men lớn nhất/ tốc độ quay: (N.m/vòng/phút)

3.2. Động cơ điện

- Ký hiệu, loại động cơ:
- Điện áp hoạt động: (V)
- Công suất lớn nhất: (kW)
- Loại ắc quy: (V)- (Ah)

4. Hệ thống truyền lực và chuyển động

4.1. Ly hợp: - Kiểu:

- Dẫn động:

4.2. Hộp số chính: - Kiểu:

- Điều khiển hộp số:

4.3. Hộp số phụ: - Kiểu:

- Điều khiển hộp số phụ:

4.4. Công thức bánh xe: - Cầu chủ động:

4.5. Lốp xe

- Trục 1 (số lượng/cỡ lốp): - Trục 4 (số lượng/cỡ lốp):
- Trục 2 (số lượng/cỡ lốp): - Trục 5 (số lượng/cỡ lốp):
- Trục 3 (số lượng/cỡ lốp):

5. Hệ thống treo

- Kiểu treo trục 1: - Giảm chấn:
- Kiểu treo trục 2: - Giảm chấn:
- Kiểu treo trục 3: - Giảm chấn:
- Kiểu treo trục 4: - Giảm chấn:
- Kiểu treo trục 5: - Giảm chấn:

6. Hệ thống lái

- Kiểu cơ cấu lái:
- Dẫn động:

7. Hệ thống phanh

7.1. Phanh chính

- Trục 1:
- Trục 2:
- Trục 3:
- Dẫn động phanh chính:
- Trục 4:
- Trục 5:

7.2. Phanh đỗ xe:

- Kiểu:
- Dẫn động:

7.3. Hệ thống phanh dự phòng

8. Thân xe

8.1. Kiểu thân xe/ cabin:

8.2. Cửa sổ/cửa thoát hiểm:

- Số lượng:
- Loại kính:

8.3. Dây đai an toàn:

- Dây đai an toàn cho người lái:
- Dây đai an toàn cho hành khách:
- Số lượng:

9. Hệ thống chiếu sáng, tín hiệu và các trang thiết bị khác

9.1. Đèn chiếu sáng phía trước:

- Số lượng:
- Màu sắc:

9.2. Đèn sương mù:

- Số lượng:
- Màu sắc:

9.3. Đèn soi biển số phía sau:

- Số lượng:
- Màu sắc:

9.4. Đèn phanh

- Số lượng:
- Màu sắc:

9.5. Đèn lùi:

- Số lượng:

- Màu sắc:

9.6. Đèn báo rẽ trước/sau/bên:

- Số lượng:

- Màu sắc:

9.7. Đèn đỗ xe

- Số lượng:

- Màu sắc:

10. Cơ cấu chuyên dùng và các thiết bị khác

ĐƠN VỊ NHẬP KHẨU

(Ký, ghi rõ họ tên)